

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 120/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 - nguồn ngân sách nhà nước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 3816/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

1. Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

5. Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công và đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

6. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế vốn dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

7. Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong việc giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ

Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự kiến danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án theo mức vốn thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án đảm bảo phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh

a) Đối với các dự án tỉnh quản lý: Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án;

b) Đối với các dự án huyện quản lý (ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện): Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn phân bổ cho từng mục tiêu hỗ trợ của huyện, thị xã, thành phố. Căn cứ mức vốn được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, việc giao chi tiết danh mục dự án thực hiện như sau:

- Các địa phương đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn chi tiết từng dự án đối với các mục tiêu: (1) Hỗ trợ khác; (2) Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025; (3) Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương chịu trách nhiệm giao kế hoạch vốn chi tiết từng dự án đối với các mục tiêu: (1) Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; (2) Chính trang đô thị, bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật.

3. Nguồn vốn ngân sách cấp huyện

Căn cứ mức vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, dự toán thu – chi nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2024, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Điều 3. Thống nhất thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2024 – nguồn ngân sách địa phương

1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 - nguồn ngân sách địa phương

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương 3.530,122 tỷ đồng (gồm: Ngân sách tập trung 569,022 tỷ đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất 1.050 tỷ đồng, xố số kiến thiết 1.900 tỷ đồng và bội chi nguồn ngân sách địa phương 11,1 tỷ đồng). Cụ thể:

a) Ngân sách cấp tỉnh 2.810,122 tỷ đồng.

b) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố 720 tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục 1)

2. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình triển khai, được thực hiện:

a) Phân khai chi tiết các công trình cụ thể trong phạm vi kế hoạch vốn của năm đối với các đề án, dự án, chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

b) Điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án có khối lượng thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao cho các dự án có khối lượng thực hiện cao hơn kế hoạch vốn được giao;

c) Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các dự án khi có nhu cầu và có quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Cho ý kiến danh mục, mức vốn bố trí cho các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2024 – nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ

Dự kiến mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho địa phương là 720,376 tỷ đồng (theo mức vốn được thông báo tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024) được phân bổ như sau:

1. Tỉnh quản lý

+ Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực 583,760 tỷ đồng.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 3,699 tỷ đồng.

2. Tỉnh hỗ trợ mục tiêu

+ Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực 12 tỷ đồng cho dự án Bờ kè chống sạt lở suối Cắn Đãng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 4,347 tỷ đồng phân bổ cho xã Hòa Hiệp huyện Tân Biên (xã được công nhận vùng đồng bào dân tộc thiểu số).

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 116,57 tỷ đồng/04 huyện.

(Đính kèm Phụ lục 2, 3)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 10 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - NGƯỜI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn: Triệu đồng

STT	Dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn từ ngân sách đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó:				Chi chủ
														Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân hỗ chi ngân sách địa phương	
TỈNH CÔNG																		
NGÂN SÁCH TỈNH																		
A.1	TỈNH QUẢN LÝ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									9.104.255	7.333.777	5.062.787	3.530.122	569.022	1.050.000	1.900.000	11.100	
I	THỰC HIỆN DỰ ÁN									9.104.255	7.333.777	5.062.787	3.530.122	569.022	1.050.000	1.900.000	11.100	
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP									3.636.640	7.333.777	1.416.533	1.766.715	349.022	542.450	864.143	11.100	
III.1	QUỐC PHÒNG									2.875.140	5.699.542	1.155.120	1.430.915	317.822	427.450	674.543	11.100	
III.1.1	QUỐC PHÒNG									154.200	171.902	86.623	67.570	67.570	-	-	-	
1	Dàn biên phòng cửa khẩu Phước Tân (843)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	Theo thiết kế năm đầu tiên phòng năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ quốc phòng	2022-2024	288/QĐ-SKHDĐT 02/11/2021	36.000	40.000	35.123	870	870	-	-		
2	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện Trung đoàn Bộ binh 174 (gần đơn 1)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	xã Tân Phú, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 186.571m2	2021-2024	1661/QĐ-LUBND 05/8/2022	77.200	85.799	30.000	47.200	47.200	-	-		
3	Xây mới Hội trường 300 chỗ Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 2.146m2	2023-2025	257/QĐ-SKHDĐT 25/11/2022	25.000	28.106	10.000	15.000	15.000	-	-		
4	Xây dựng doanh trại Đại đội Thiết giáp/Phòng Tham mưu	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	xã Đông Khởi- huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 30.000m2	2023-2025	21/QĐ-SKHDĐT 07/02/2023	16.000	17.997	11.500	4.500	4.500	-	-		
III.2	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI									10.300	11.403	2.916	7.380	7.380	-	-		
1	Đại Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Gò Dầu	Công an Tây Ninh	Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004692	041	Xây mới NL.V, nhà xe phòng cháy chữa cháy, trực tác chiến, nhà xe cán bộ thành sĩ và các hạng mục khác	2022-2024	142/QĐ-BOQLKT 17/11/2023	10.300	11.403	2.916	7.380	7.380	-	-		
III.3	Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIÀ DỊNH									22.000	24.500	-	22.000	-	-	22.000		
1	Dự án thiết lập hệ thống bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các huyện, thị xã, thành phố	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7873773	139	Các cơ sở khám chữa bệnh công lập	2023-2025	137/QĐ-SKHDĐT 21/5/2021; 274/QĐ-SKHDĐT 14/12/2022 (06)	22.000	24.500	-	22.000	-	-	22.000		
III.4	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ									56.300	79.422	19.560	36.440	-	-	36.440		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952472	074	KTX, Trang thiết bị, hạng mục	2022-2024	134/QĐ-SKHDĐT 12/8/2022	7.200	14.780	5.000	2.200	2.200	-	2.200		
2	Trường THPT Dương Minh Châu (Gor số 2)	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952475	074	Cải tạo, sửa chữa kết hợp xây mới một số hạng mục	2023-2024	108/QĐ-SKHDĐT 07/7/2023	4.200	4.773	1.300	2.900	2.900	-	2.900		
3	Trường THPT Nguyễn Huệ	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Bè Chà	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7900085	074	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	23/QĐ-SKHDĐT 22/02/2023	15.000	16.832	4.800	10.200	-	-	10.200		
4	Trường THPT Hoàng Thái Khang	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Bè Chà	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952476	074	Cải tạo, sửa chữa và xây mới khối phòng học và các phòng chức năng	2023-2025	107/QĐ-SKHDĐT 05/7/2023	10.900	12.167	3.000	7.900	-	-	7.900		
5	Trường THPT Lương Thế Vinh	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952473	074	Cải tạo, sửa chữa và xây mới khối phòng học và các phòng chức năng	2023-2025	111/QĐ-SKHDĐT 10/7/2023	8.400	9.371	2.500	5.900	-	-	5.900		
6	Trường THPT Lê Hồng Phong	Ban QLDA DTXD tỉnh	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952474	074	Cải tạo, sửa chữa và xây mới khối phòng học và các phòng chức năng	2023-2025	106/QĐ-SKHDĐT 05/7/2023	6.800	7.499	2.300	4.500	-	-	4.500		

STT	Dự án	Chức danh tư vấn	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-khoản thành	QP đầu tư (chiều chính nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn đầu tư 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn tính đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:		Chiều chi		
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu từ các nguồn khác		Xã số kiến thiết	Nguồn hỗ trợ ngân sách địa phương
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng, phân miền, trung thất bị công nghệ thông tin cho Trung tâm dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tây Ninh	Số Lạc Đông - Thuận Bình và Xuân Mỹ	TP Tây Ninh	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7968550	098	Chiếu, năng cấp	2023-2024	113/QĐ-SKCHĐT/12/17/2023	3.800	14.000	460	2.840	31.125	-	2.840	11.100	
II.1.6	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG									238.690	533.057	175.609	62.990	31.125	-	20.765	11.100	
a	MÔI TRƯỜNG									238.690	533.057	175.609	62.990	31.125	-	20.765	11.100	
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh thành phố Tây Ninh	UBND thành phố Tây Ninh	thành phố Tây Ninh	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7232853	262	5000 m ³ /ngày	2018-2025	835/QĐ-UBND/12/4/2017-1100/QĐ-UBND/17/5/2018-413/QĐ-UBND/08/02/2018-2372/QĐ-UBND/25/9/2018-12/11/2018-3147/QĐ-UBND/22/11/2021(66)-2161/QĐ-UBND/24/10/2023(66)	66.690	355.564	23.200	43.490	11.625		20.765	11.100	Đầu tư chi trả theo TW, giao vốn ODA năm 2024
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị Hòa Thành - giai đoạn 1	BỘ LẠC ĐÔNG ĐÌNH	thị trấn Hòa Thành	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7818178	262	đầu tư nhà máy nước thải công suất 12.000m ³ /ngày đêm và các đường ống thu gom nước thải	2021-2024	1249/QĐ-UBND/22/6/2020-2757/QĐ-UBND/30/12/2022(66)	130.000	150.884	116.573	13.400	13.400				
3	Hệ thống thu gom nước thải và vệ sinh Khu phố 3, Khu phố 4 thị trấn Dương Minh Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Dương Minh Châu	thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7945273	262	Đầu tư đồng ống thu gom và xây dựng vỉa hè	2023-2025	107/QĐ-SKCHĐT/11/7/2022	42.000	46.609	35.836	6.100	6.100				
II.1.7	CÁC HOẠT ĐỘNG KHINH TẾ									2.336.400	4.831.759	839.612	1.219.009	198.331	427.450	593.238	-	
a	NÔNG NGHIỆP LÂM NGHIỆP, DỊCH VỤ NGHỀ NGHIỆP									186.100	406.936	71.807	110.840	47.440	50.000	13.400	-	
1	Kênh tiêu Suối Bàu Krong Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD ngành NN và PTNT	thị xã Trảng Bàng	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7917430	283	4,5km	2022-2024	316/QĐ-SKCHĐT/09/12/2021	15.000	17.000	7.300	7.700					
2	Kênh tiêu Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Châu	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7916554	283	Đ dài 4,7km	2022-2024	311/QĐ-SKCHĐT/06/12/2021	13.500	14.999	7.800	5.700					
3	Kênh tiêu Suối Ông Hùng	Ban QLDA ĐTXD ngành NN và PTNT	huyện Dương Minh Châu	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7916010	283	Đ dài 200 ha	2022-2024	310/QĐ-SKCHĐT/03/12/2021	7.200	8.000	6.350	950					
4	Gia cố kênh TN17 đoạn từ KO đến KO+859 (L=850m)	Ban QLDA ĐTXD ngành NN và PTNT	huyện Châu Thành, Tân Biên	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7910595	283	Gia cố kênh, nâng cấp một số công trình trên kênh	2022-2024	300/QĐ-SKCHĐT/22/11/2021	18.000	19.642	16.427	1.570					
5	Xây dựng nhà trạm BVR - DĐ QLBY&PTR	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Châu	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7933893	282	Xây mới 12 nhà, trạm BVR tại 12 vị trí thuộc khu rừng phòng hộ Đầm Trảng	2023-2025	219/QĐ-UBND/28/10/2022	7.000	7.000	3.500	3.500					
6	Trạm bơm Tân Long	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	Châu Thành	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7911088	283	Tổng tiêu dịch tích 732 ha	2022-2025	1576/QĐ-UBND/01/08/2022	10.000	218.046	5.840	4.160					
7	Trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tây Ninh	Tên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Khu vực nhà nước Tây Ninh	7932593	282	Mưa và phân bón 1.181.190 cây giống, làm nghiệp các loại cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh	2022-2024	3133/QĐ-UBND/19/11/2021	5.000	5.522	3.340	1.660					
8	Trồng rừng mới Khu rừng Văn hóa - Lịch sử Núi Bà gần đèo 2023-2025	Ban Quản lý Khu di tích quốc gia Núi Bà Đen	huyện Dương Minh Châu và thành phố Tây Ninh	Khu vực nhà nước Tây Ninh	8028683	282	Trồng mới 50 ha	2023-2025	64/QĐ-SKCHĐT/24/9/2023	1.500	1.659	770	730					

STT	Dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mua tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	QĐ đầu tư (diện tích nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trình đầu tư 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán tính giá trị tài sản đầu tư trước	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Trong đó:			Chi trả	
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu từ các dự án	Xã số kiểm tra		Nguồn hỗ trợ ngân sách địa phương
9	Bảo vệ và phát triển rừng Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	huyện Tân Châu và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8024408	282	Trồng mới 1.000 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025	55/QĐ-SKHĐT/27/4/2023	30.200	33.905	18.000	8.800	8.800	-	150.000	-	-
10	Bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8018049	282	Trồng mới 38,7 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025	61/QĐ-SKHĐT/19/5/2023	1.500	1.668	380	1.120	1.120	-	150.000	-	-
11	Nạo vét kênh Gò Sỏi	Ban Quản lý DA DTXXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu và TX Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917428	283	Dài 5,13km	2023-2025	31/QĐ-SKHĐT/06/3/2023	23.000	21.842	550	22.450	22.450	-	150.000	-	-
12	Nạo vét kênh Địa Xù từ cầu Địa Xù đến giáp trục Yam Bào	Ban Quản lý DA DTXXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933889	283	Tieu thoát nước cho lưu vực 5.045 ha đất nông nghiệp và DT 730 ha khu dân cư và khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	2023-2025	57/QĐ-SKHĐT/05/5/2023	18.000	17.209	350	17.600	17.600	-	150.000	-	-
13	Kênh tưới Suối Nọc Dục	Ban Quản lý DA DTXXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933891	283	Dài 8,860m	2023-2025	70/QĐ-SKHĐT/28/5/2023	33.000	36.944	600	32.400	32.400	-	150.000	-	-
14	Sửa chữa, xây mới một số hạng mục trang gông, cây trồng	Ban Quản lý DA DTXXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933892	283	980m ²	2023-2025	97/QĐ-SKHĐT/22/6/2023	3.200	3.500	700	2.500	2.500	-	150.000	-	-
6 GIAO THÔNG																		
1	Dưỡng liên tuyến kết nối vòng NK-787B-789	Ban QLDA DTXXD ngành Giao thông	Thị xã Trảng Bàng - huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7866652	292	48,113km DTN	2021-2026	1492/QĐ-UBND/12/7/2021	1.400.000	3.416.238	412.238	756.268	187.630	568.638	-	-	-
2	Dưỡng DT 794 đoạn từ ngã ba Ká Tam đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	BQLDA DTXXD ngành Giao thông	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7684671	292	Dài 16km	2020-2024	2688/QĐ-UBND/09/11/2020	70.000	499.942	61.000	9.000	9.000	-	150.000	-	-
3	Dưỡng BH 9 giai đoạn 2	Ban QLDA DTXXD huyện Dương Minh Châu	huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7938706	292	Dài 7,5km	2022-2024	27/QĐ-SKHĐT/18/01/2022	27.000	29.093	22.527	4.470	4.470	-	150.000	-	-
4	Dưỡng Trường Hòa - Chà Lã (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến DT.784)	Ban QLDA DTXXD ngành Giao thông	thị xã Hòa Thành và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7943997	292	Dài 4,963,47m	2022-2025	2737/QĐ-UBND/29/12/2022	180.000	218.845	30.000	150.000	150.000	-	150.000	-	-
5	Dưỡng vào dân Biên phòng Suối Lầm	Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933029	292	Trồng chữa đất vườn khoảng 3.280 m ² , mặt đường sỏi đá rộng 5,0 m ² , nền đường rộng 7,0 m ²	2021-2024	3020/QĐ-UBND/19/02/2016; 677/QĐ-UBND/24/3/2021	3.000	95.752	3.000	3.000	3.000	-	150.000	-	-
c KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ																		
1	Dưỡng DD 6A Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	Ban Quản lý Khu kinh tế biên	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933029	292	Dài 1,070m	2022-2023	135/QĐ-BQLKKT/30/1/2021	52.000	58.032	47.000	5.000	5.000	-	150.000	-	-
d CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC																		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	QP đầu tư (chiều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công phát triển 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn từ kho tài trợ công đến kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:		Chi chú	
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu từ tư nhân		Xã số liên kết
1	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Đông, Tân Thành, Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910594	311	Sửa chữa, cấp nước cho khoảng 500 hộ dân	2022-2024	342/QĐ-SKCHĐT 28/12/2021	3.200	3.500	2.800	400	400	0	0	
2	Mở rộng khu vực cấp nước xã Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	xã Tân Hòa, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7916011	311	Cấp nước cho khoảng 2.580 hộ	2022-2024	347/QĐ-SKCHĐT 28/12/2021	11.700	13.000	11.500	200	200	200	0	
3	Chống ngập điểm ngập 140 ha tại phường Ninh Thành	BQLDA ĐTXD tỉnh	quận phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7818181	311	Giải quyết tình trạng ngập úng nghiêm trọng tại một số tuyến đường trên địa bàn	2022-2024	21/QĐ-SKCHĐT 13/01/2022	25.000	29.310	21.500	3.500	3.500	3.500	0	
4	Hệ thống thoát nước và hạ thế đường Nguyễn Văn Linh - giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	thị xã Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7934411	311	Dự 1.641,66m...	2022-2024	327/QĐ-SKCHĐT 14/12/2021	29.000	30.691	28.650	350	350	350	0	
5	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Đông Trừn, Tân Đông, Tân Châu	BQLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	xã Tân Đông, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910598	311	Nâng cấp và xây dựng một số hạng mục trên cấp nước, CS 30 m/h, cung cấp cho khoảng 600 hộ dân	2022-2024	346/QĐ-SKCHĐT 28/12/2021	13.000	14.500	7.500	5.500	5.500	5.500	0	
6	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Thành Lợi, Thành Bình, Tân Biên	Ban Quản lý ĐA ĐTXD ngành NN&PTNT	Thành Bình, huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933888	311	500 hộ	2023-2025	42/QĐ-SKCHĐT 24/9/2023	8.000	9.000	2.000	6.000	6.000	6.000	0	
7	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Trung, Tân Bình, Tây Ninh	Ban Quản lý ĐA ĐTXD ngành NN&PTNT	Tân Bình, TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933886	311	400 hộ	2023-2025	60/QĐ-SKCHĐT 12/5/2023	2.900	3.200	800	2.100	2.100	2.100	0	
8	Dầu tư nâng cấp trạm cấp nước cấp trung tại xã Hòa Hiệp	Ban Quản lý ĐA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8030040	311	Chi tạo giống khoai mì hiện hữu hiện ra giống hiện hữu theo diện tích 20m, bơm hút nước từ giếng khoan tại lưu lượng giống, xây một trạm bơm giống, Dầu từ một trạm biến áp 3 pha 3x15KVA...	2023-2024	118/QĐ-SKCHĐT 20/7/2023	500	3.700	200	300	300	300	0	
1	Hỗ trợ các các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/6/2018									30.000		-	21.721	21.721			
2	Chi trợ khác qua ngân hàng chính sách xã hội									220.000		120.000	100.000	100.000			
3	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020									50.000			22.240	11.040		11.200	
4	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ									25.000			18.120	18.120			
HL18	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI									13.850	12.809	4.700	7.250	7.250			



Dự án sử dụng vốn NSTW - CTMTQG DTTSMN

STT	Dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ vốn tỉnh đã bố trí từ ngân sách địa phương	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Trong đó:				Chi chủ
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu từ tư dụng đất	Xổ số kiến thiết	Nguồn huy động khác	
1	Cải tạo trụ sở Đảng ủy Khối cơ quan (cũ) làm trụ sở làm việc của Sở Ngoại vụ và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013680	341	Màu sơn, lắp đặt máy bơm nước, sơn cửa, lắp đặt hệ thống máy lạnh hiện trạng	2022-2024	126/QĐ-SKCHĐT 08/8/2023	6.300	6.630	2.000	4.300	4.300			2.100	
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Văn phòng Đoàn BDPQH và HĐND tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013679	341	Sửa chữa, cải tạo	2023-2024	89/QĐ-SKCHĐT 14/6/2023	3.000	2.118	1.000	900	900				
3	Sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Công Thương Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8017485	341	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng UBND tỉnh và Trụ sở Ban chấp hành Công đoàn tỉnh	2023-2025	56/QĐ-SKCHĐT 04/5/2023	750	768	700	50	50				
4	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng UBND tỉnh và Trụ sở Ban chấp hành Công đoàn tỉnh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013678	341	Cải tạo, sửa chữa	2023-2024	90/QĐ-SKCHĐT 14/6/2023	3.800	3.295	1.000	2.000	2.000				
II.1.9	XÃ HÒI									13.400	14.690	11.300	2.100	-	-	2.100	-	
1	Cơ sở cải thiện nhà ở tư nhân Tây Ninh (giai đoạn 3)	Ban QLDA DTXD tỉnh	Tân Hưng, Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917425	398	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	36/QĐ-SKCHĐT 31/12/2021	13.400	14.690	11.300	2.100	2.100			2.100	
II.1.10	CÁC NHIỆM VỤ CHƯNG TRINH, DỰ ÁN THEO QUỸ DỊHỆ CỦA PHÁP. L. QUẬT									30.000	1.634.235	-	306.900	1.300	115.600	189.600	-	
1	Chỉ tra nợ gốc và lãi vay									30.000		15.000	6.176	6.176				
II.2	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI									412.100	1.634.235	-	306.900	1.300	115.600	189.600	-	
II.2.1	GIẢI QUYẾT BẠO TẠO VÀ GIẢI QUYẾT NGHỀ									23.400	26.000	-	5.000	-	-	5.000	-	
1	Xây dựng Trường Chính trị địa phương mức 1	Ban QLDA DTXD tỉnh Tây Ninh	TX Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	083	8047348	Cải tạo sửa chữa	2023-2025	222/QĐ-SKCHĐT 04/12/2023	23.400	26.000	-	5.000	5.000			5.000	
II.2.2	VĂN HÓA, THÔNG TIN									47.000	57.407	-	15.000	-	15.000	-	-	
d	VĂN HÓA									47.000	57.407	-	15.000	-	15.000	-	-	
1	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao (giai đoạn 2)	Ban QLDA DTXD tỉnh	xã Thái Bình - huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7846255	161	Xây dựng hồ bơi, cải tạo khu lý do xã, khu sân tennis sân vận động, ... bổ sung thiết bị phục vụ tập luyện và sinh hoạt của vận động viên	2023-2026	2312/QĐ-UBND 04/12/2023	47.000	57.407	-	15.000	15.000				
II.2.3	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG									100.000	349.998	-	50.000	-	50.000	-	-	
d	MÔI TRƯỜNG									100.000	349.998	-	50.000	-	50.000	-	-	
1	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hòa Thành giai đoạn 2	Ban QLDA DTXD tỉnh	TX Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	262	262	Xây mới trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải	2023-2025	2483/QĐ-UBND 29/11/2023	100.000	349.998	-	50.000	50.000				
II.2.4	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ									239.500	1.199.417	-	234.600	-	50.000	184.600	-	
a	NGÀNH NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DỊCH NGHIỆP, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ									100.000	600.000	-	100.000	-	50.000	50.000	-	
1	Tuổi thọ khu vực nhà Tây Ninh Văn Cơ Đông giai đoạn 2 (khu có nhà kiến trúc, kiến cấp 1, 2, 3 và kiến trúc)	Ban QLDA DTXD ngành NNNTNT	huyện Châu Thành và Bùn Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933894	283	Kiểm soát hệ thống kênh 4.3km	2023-2026	2469/QĐ-UBND 27/11/2023	100.000	600.000	-	100.000	50.000				
b	CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG									93.900	147.186	-	89.000	-	89.000	-	89.000	-
1	Chống ngập và phát triển hệ thống xử lý nước thải xã Trảng Bàng - giai đoạn 1	Ban QLDA DTXD Thị xã Trảng Bàng	Thị trấn	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7922399	311	XD hệ thống cống, mương thoát nước + tạo vệt rửa thải nước. L = 9.805km	2024-2026	269/QĐ-UBND 28/01/2022	50.000	59.990	-	50.000	50.000			50.000	



STT	Dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian hoàn thành	QP đầu tư (chiều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tỉnh đã bỏ trừ từ kết cấu công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:				Chi đầu	
														Nguồn sách cấp trung	Nguồn thu ngân sách địa phương	Xổ số kiến thiết	Nguồn hỗ trợ ngân sách địa phương		
2	Mở rộng và hệ thống thoát nước đường Tôn Đức Thắng (Tổ đường Thượng Thanh đến QL22B)	BQLDA DTXD Thị xã Hòa Thành	Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7973446	311	Xây dựng mới đường và hệ thống mương	2024-2026	1635/QĐ-UBND 09/8/2023	37.000	79.496	-	37.000	-	-	37.000	-	-	-
3	Nâng cấp, sửa chữa HTCN cấp Thành Đông, Thành Tân, TP Tây Ninh	Ban QLDA DTXD ngành NNPTNT	TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7973446	311	Nâng cấp, sửa chữa	2024-2025	218/QĐ-SKCHĐT 21/11/2023	6.900	7.700	-	2.000	-	-	2.000	-	-	-
c	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									35.600	42.119	-	35.600	-	-	35.600	-	-	-
1	Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy gửi đến 2021-2025	VP Tỉnh ủy	Tỉnh ủy	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7924497	314	Đầu tư trang thiết bị, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tỉnh ủy Tây Ninh	2023-2024	730/QĐ-UBND 24/9/2023	35.600	42.119	-	35.600	-	-	35.600	-	-	-
d	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ									10.000	410.042	-	10.000	-	-	10.000	-	-	-
1	Đầu tư các dự án thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	Ban Quản lý Khu kinh tế	Khu KCTCK Mộc Bài, huyện Biên Hòa, tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8037985	292	Đầu tư các dự án thuộc KKTCK Mộc Bài	2022 - 2025	2481/QĐ-UBND 29/11/2023	10.000	410.042	-	10.000	-	-	10.000	-	-	-
11.2.3	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHINH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI									2.200	1.483	-	1.300	1.300	-	1.300	-	-	-
1	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Nội chính Tỉnh ủy	Ban QLDA DTXD tỉnh Tây Ninh	Phường 3, TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	341	8047347	Cải tạo, sửa chữa	2023-2024	221/QĐ-SKCHĐT 01/12/2023	2.200	1.483	-	1.300	1.300	-	1.300	-	-	-
11.3	THÀNH TỐN KINH LƯỢNG ĐÀ VÀ ĐANG THỰC HIỆN									5.467.715	-	3.646.234	1.035.857	-	1.035.857	-	-	-	-
A.2	TỈNH HỒ TRỢ MỨC TẾU									2.502.000	-	1.747.144	344.610	-	344.610	-	-	-	-
1	Xây dựng nông thôn mới									1.260.000	-	917.008	233.390	-	233.390	-	-	-	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trạng đô thị)									1.371.000	-	938.476	273.420	-	273.420	-	-	-	-
3	Hồ trợ khác									96.715	-	29.780	53.047	-	53.047	-	-	-	-
4	Hồ trợ để an xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giải ngân 2021-2025									210.000	-	37.4916	73.315	-	73.315	-	-	-	-
5	Hồ trợ để an xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giải ngân 2021-2025									482.105	-	35.790	8.460	-	8.460	-	-	-	-
1	Xây dựng nông thôn mới									280.000	-	238.601	30.000	-	30.000	-	-	-	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trạng đô thị)									150.000	-	97.525	30.000	-	30.000	-	-	-	-
3	Hồ trợ khác									4.755	-	3.000	1.755	-	1.755	-	-	-	-
4	Hồ trợ để an xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giải ngân 2021-2025									10.000	-	10.000	-	-	-	10.000	-	-	-

STT	Dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	QĐ đầu tư (dành chính thức)	Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn giải ngân 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lợy kế vốn tính đã bỏ trả từ khởi công đến hết kế hoạch năm thực	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Trong đó:			Chi chi
														Nguồn thu hiện có được đất	Xã số kiến thiết	Nguồn huy chi ngân sách địa phương	
5	Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									3.100		0	3.100	-	-	3.100	
II THỊ XÃ HÒA THÁNH																	
1	Xây dựng nông thôn mới									447.235	0	338.970	72.870	-	-	72.870	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trong đó thì)									73.500	0	59.250	14.250	-	-	14.250	-
3	Hỗ trợ khác									200.000		188.000	12.000			12.000	
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									150.000		91.720	30.000			30.000	
5	Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									6.345		0	4.230			4.230	
III HUYỆN CHÂU THÀNH																	
1	Xây dựng nông thôn mới									813.945	0	592.110	136.825	-	-	136.825	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trong đó thì)									544.250	0	388.460	70.790	-	-	70.790	-
3	Hỗ trợ khác									80.000		63.000	17.000			17.000	
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									157.000		131.250	25.740			25.740	
5	Hỗ trợ Đề án xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									22.195		9.400	12.795			12.795	
IV HUYỆN ĐƯƠNG MINH CHÂU																	
1	Xây dựng nông thôn mới									709.105	0	364.893	167.032	-	-	167.032	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trong đó thì)									429.250	0	225.000	95.000	-	-	95.000	-
3	Hỗ trợ khác									70.000		49.251	9.420			9.420	
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									157.000		86.247	35.000			35.000	
5	Hỗ trợ Đề án xây dựng cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									15.855		4.395	7.612			7.612	
V THỊ XÃ TRẢNG BÀNG																	
1	Xây dựng nông thôn mới									706.745	0	429.336	153.475	-	-	153.475	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trong đó thì)									225.600	0	167.046	15.000	-	-	15.000	-
3	Hỗ trợ khác									250.000		154.860	48.000			48.000	
3	Hỗ trợ khác									150.000		103.830	39.320			39.320	

STT	Dự án	Chức năng	Biện pháp xây dựng	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trình dự án 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán từ kết quả dự án để kế hoạch trình	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Trong đó:			Chi chi
														Ngân sách cấp trung	Nguồn thu từ dự án	Xã số kiến thiết	
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp xúc vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									4,755		3,600	1,155			1,155	
5	Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									70,400		0	50,000			50,000	
VI HUYỆN GÒ DẦU																	
1	Xây dựng nông thôn mới									579,345	0	420,358	108,155	-	-	108,155	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									219,250	0	204,278	14,970	-	-	14,970	-
3	Hỗ trợ khác									160,000		90,000	60,000			60,000	
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp xúc vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									150,000		119,880	16,700			16,700	
5	Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									12,685		6,200	6,485			6,485	
VII HUYỆN BẾN CẦU																	
1	Xây dựng nông thôn mới									489,525	0	363,254	88,795	-	-	88,795	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									233,500	0	189,972	16,140	-	-	16,140	-
3	Hỗ trợ khác									80,000		56,196	21,970			21,970	
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp xúc vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									157,000		107,086	31,660			31,660	
5	Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									7,925		0	7,925			7,925	
VIII HUYỆN TÂN BIÊN																	
1	Xây dựng nông thôn mới									519,265	0	400,162	75,240	-	-	75,240	-
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									284,250	0	239,993	15,000	-	-	15,000	-
3	Hỗ trợ khác									70,000		37,100	20,000			20,000	
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm thi, phòng tiếp xúc vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									150,000		119,884	30,000			30,000	
5	Hỗ trợ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									9,515		3,185	4,740			4,740	
IX HUYỆN TÂN CHÂU																	
1	Xây dựng nông thôn mới									694,535	388,409	160,150	-	-	-	160,150	-
										444,250		237,355	95,000	-	-	95,000	-

STT	Dự án	Chưa đầu tư	Đã chiếm xây dựng	Dự chiếm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (Điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trạng ban giải đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn tính đã chi trả từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:			Chi đầu		
														Nguồn sách cấp trung	Nguồn thu hiện sử dụng	Xã số kiến thiết		Nguồn huy chi ngân sách địa phương	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung địa thị)									70,000		40,000	15,000						
3	Hồ tự nhiên									150,000		81,054	35,000						
4	Hỗ trợ Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác của Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									12,685		0	6,350						
5	Hỗ trợ Dự án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									17,600		0	8,800						
B	NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (theo phân chi từ các nguồn ngân sách chính sách xã hội)																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(I)	THÀNH PHỐ TÂY NINH																		
1	Vốn ngân sách thành phố																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(II)	THỊ XÃ HÒA THÀNH																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(III)	HUYỆN CHÂU THÀNH																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(IV)	HUYỆN ĐÔNG MINH CHÂU																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(V)	THỊ XÃ TRẢNG BÀNG																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(VI)	HUYỆN CỎ DÀU																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(VII)	HUYỆN BẾN CÀU																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(VIII)	HUYỆN TÂN BIÊN																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
(IX)	HUYỆN TÂN BIÊN																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
1	Vốn ngân sách huyện																		
1	Chi trả nguồn thu																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		
2	Chi trả nguồn thu hiện sử dụng địa phương																		



STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	QP đầu tư (đầu chính nêu số)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán từ kết cấu đơn kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:			Nguồn bị chi ngân sách địa phương	Chú chú
														Ngân sách tập trung	Nguồn thu địa phương	Xổ số kiến thiết		
(XX)	HUYỆN TÂN CHÂU													60.910	28.910	32.000		
1	Văn phòng sách huyện <i>Chia đất người sách</i>													28.910	28.910			
2	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>													32.000		32.000		

PHỤ LỤC D

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
(Kèm theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW	Lấy kế NSTW đã bố trí năm 2021-2023	Kế hoạch năm 2024 nguồn NSTW	Ghi chú
									TMBĐT		Trong đó: NSTW				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
TỔNG SỐ									2,210,829	1,763,400	1,733,400	988,253	595,760		
A TỈNH QUẢN LÝ									1,975,995	1,613,400	1,613,400	880,253	583,760		
I LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÀM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN									221,183	180,000	180,000	27,000	153,000		
(1) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									221,183	180,000	180,000	27,000	153,000		
1	Trạm bơm Tân Long	Ban QLDA DTXD ngành NN&PTNT	Tân Châu	Tưới, tiêu diện tích 732 ha	2022-2025	7911088	283	1576/QĐ-UBND 01/8/2022	221,183	180,000	180,000	27,000	153,000		
II LĨNH VỰC GIAO THÔNG									1,204,667	950,000	950,000	774,704	175,296		
(1) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024									1,204,667	950,000	950,000	774,704	175,296		
1	Đường 794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	Ban QLDA DTXD ngành Giao Thông	Tân Châu	16km BTXM	2021-2024	7684671	292	2688/QĐ-UBND 03/11/2020; 857/QĐ-UBND 14/4/2021	499,942	370,000	370,000	239,251	130,749		
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.795	Ban QLDA DTXD ngành Giao Thông	Tân Châu, Tân Biên	36,2km BTN	2021-2024	7866651	292	1036/QĐ-UBND 11/5/2021; 2664/QĐ-UBND 19/10/2021	608,973	500,000	500,000	460,002	39,998		



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW	Lấy kế NSTW đã bố trí năm 2021-2023	Kế hoạch năm 2024 nguồn NSTW	Ghi chú
									TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
3	Đường vào đôn Diên phòng Suối Lam	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	Tân Châu	13 653,16m	2021-2024	7004686	292	677/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 2178/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	95.752	80.000	80.000	75.451	4.549	
III	LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ								410,042	360,400	360,400		233,013	
(I)	Các dự án khởi công mới năm 2024								410,042	360,400	360,400		233,013	
1	Đầu tư các dự án thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	BQLKKT tỉnh	Khu KTCK Mộc Bài huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Dương giao thông nội bộ KKTCK	2022-2025		292	2483/QĐ-UBND 29/11/2023	410,042	360,400	360,400		233,013	
IV	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI KT-XH - LĨNH VỰC Y TẾ								140,103	123,000	123,000	78,549	22,451	
(I)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024								140,103	123,000	123,000	78,549	22,451	
1	Dự án xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA DTXD tỉnh	TP Tây Ninh	Diện tích 3.325m ² ; Trang thiết bị,...	2021-2024	7846248	131	3063/QĐ-UBND 17/12/2020; 881/QĐ-UBND 11/4/2023 (đc)	76,747	62,000	62,000	38,899	12,101	
2	Đầu tư trang thiết bị cho 06 Trung tâm Y tế huyện và 42 Trạm Y tế huyện xã	Ban QLDA DTXD tỉnh	06 Trung tâm Y tế huyện và 42 Trạm Y tế huyện thị trấn, xã, phường	Đầu tư trang thiết bị cho 06 Trung tâm Y tế tuyến huyện và 42 Trạm Y tế tuyến thị trấn, xã, phường	2022-2024			1498/QĐ-UBND 20/07/2023	63,356	61,000	61,000	39,650	10,350	
B	TÌNH HÌNH TRỞ MỨC TIÊU								234,834	150,000	120,000	108,000	12,000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW	Lấy kế NSTW đã bố trí năm 2021-2023	Kế hoạch năm 2024 nguồn NSTW	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024							1641/QĐ-UBND ngày 31/7/2020; 1434/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 (đc)	234,834	150,000	120,000	108,000	12,000	
1	Bờ kè chống sạt lở suối Cánh Đàng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên	BOLDA DTXD huyện Tân Biên	Thị trấn Tân Biên	Dài 1.780m	2020-2024	7846443	272		234,834	150,000	120,000	108,000	12,000	

